ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:1523 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 23 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Di dân thành lập bản mới giáp biên Nà Ngòa, xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 127/TTr-SXD ngày 18/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Di dân thành lập bản mới giáp biên Nà Ngòa, xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng như sau:

1. Điều chỉnh quy mô đầu tư, thiết kế cơ sở

a) Đường giao thông

(1) Tuyến 01:

- Đoạn từ cọc P29 (Km1+239,12m) đến cọc TC45 (Km1+811,68m):

+ Bổ sung gia cố lề đường bằng móng CPĐD loại 1 dày 10cm, mặt lề láng vữa xi măng M75 dày 5cm tại 13 vị trí.

+ Bổ sung cống dọc làm lối vào nhà dân, tổng chiều dài 40m, sử dụng cống BTCT D=400mm.

+ Bổ sung vuốt nối đường vào xóm, ngõ của dân tại 09 vị trí bằng bê tông đá (1x2)cm mác 200, dày 10cm.

+ Cống bản thoát nước ngang đường tại cọc C15 (Km2+846,45): bổ sung hố thu và kè chắn đất phía thượng lưu xây bằng đá hộc, vữa xi măng mác 100; bổ sung kè, rãnh thoát nước phía hạ lưu, xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 và cống BTCT dẫn nước D=400mm dài 6,0 m.

- Đường giao thông số 1 đoạn từ TC45 (Km1+811,68) đến cọc DC (Km3+753,05): bổ sung gia cố rãnh thoát nước xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 kích thước (28x28x80)cm với tổng chiều dài 523,41m.

+ Từ cọc C19 (Km1+929,5) đến cọc P50 (Km2+22,90), bên phải tuyến, chiều dài L=93,39m.

+ Từ cọc C30 (Km2+590,1) đến cọc TC67 (Km2+611,74), bên trái tuyến, chiều dài L=21,63m.

+ Từ cọc C31 (Km2+668,24) đến cọc C15 (Km2+846,45), bên trái tuyến, chiều dài L=178,21m.

+ Từ cọc TC77 (Km2+986,03) đến cọc 37 (Km3+88,07), bên trái tuyến, chiều dài L=102,04m.

+ Từ cọc P87 (Km3+386,37) đến cọc H4 (Km3+401,14m), bên phải tuyến, chiều dài L= 14,77m.

+ Từ cọc TD90 (Km3+484,24) đến cọc C50 (Km3+597,61), bên phải tuyến, chiều dài L=113,37m.

- Bổ sung chiều dài đường, phía cuối tuyến chiều dài 50m và 48m rãnh thoát nước dọc tuyến (giải pháp thiết kế giữ nguyên theo thiết kế được duyệt).

(2) Tuyến 02:

- Cắt giảm không xây rãnh thoát nước bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 bên phải tuyến đoạn từ cọc 22 (Km1+060) đến cọc TD29 (Km1+144,81) dài 84,81m.

- Bổ sung Cống bản thoát nước tại vị trí cọc P12 (Km0+514,67), đáy và thành cống xây bằng đá hộc, vữa xi măng mác 100; tấm đan mặt cống bằng BTCT đá (1x2)cm, mác 250.

- Bổ sung rãnh xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 đoạn từ cọc TC33 (km1+343,8) đến cọc TD34 (km1+385,51) dài 41,71m.

b) Cấp điện:

- Điều chỉnh xà và chụp đầu cột tại các vị trí cột trung thế số 02, 04, 06, 07 ký hiệu ĐGL-1:

+ Vị trí cột trung thế số 02, 04 điều chỉnh xà XĐL35-2L thành xà XĐG-2L; bổ sung chụp đầu cột loại CT4-5m.

+ Vị trí cột trung thế số 06, 07 điều chỉnh xà XNĐ35-1LN+GC-16 thành xà XNĐ35-2LN; bổ sung chụp đầu cột loại 2CT4-5m.

- Bổ sung 02 móng néo, dây néo TK70-22, cổ dề giằng cột CDG-105 tại vị trí cột trung thế số 03.

- Bổ sung các chụp đầu cột tại các vị trí cột trung thế số 14, 15: vị trí cột trung thế số 14 bổ sung chụp đầu cột loại CT4-5m; vị trí cột trung thế số 15 bổ sung chụp đầu cột loại 2CT4-5m.

c) Thuỷ lợi:

- Tại vị trí cọc P75 (Km2+925,13): bổ sung xây đập dâng và mương dẫn nước sau đập dài 20m, đập và mương xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100.

- Tại vị trí cọc P82 (Km3+164,97): bổ sung xây đập dâng và mương dẫn nước sau đập dài 27,5m, đập và mương xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100.

d) Cấp nước:

- Đầu nguồn:

+ Bổ sung đập dâng bằng bê tông xi măng đá (1x2)cm, mác 200.

+ Bổ sung bể lọc đầu nguồn xây bằng gạch bê tông xi măng, vữa xi măng mác 75.

- Tuyến chính:

+ Điều chỉnh thiết kế đoạn ống từ bể lọc đầu nguồn đến cọc C1.12 (Km0+410,18), dài 410,18m từ ống HDPE D=75mm thành ống HDPE D=90mm.

+ Bổ sung 50,21m ống HDPE D=63mm cuối tuyến.

+ Cắt giảm 517,2m ống HDPE D=75mm.

- Tuyến cấp nước trong tái định cư (gồm 04 khu):

+ Khu TĐC-01: giảm 17m ống HDPE D=25mm.

+ Khu TĐC-2.01: giảm 63m ống HDPE D=63mm; 12m ống HDPE D=25mm; Bổ sung 35,7m ống HDPE D=40mm;

+ Khu TĐC-2.02: giảm 60m ống HDPE D=63mm; bổ sung 56m ống HDPE D=40mm;

+ Khu TĐC-03: giảm 5,0 m ống HDPE D=40mm và 15m ống HDPE D=25mm; bổ sung 20m ống HDPE D=32mm;

+ Khu TĐC-04: giảm 66m ống HDPE D=63mm, 116m ống HDPE D=32mm, 178m ống HDPE D=25mm; bổ sung 8,5m ống HDPE D=50mm; 76,1m ống HDPE D=40mm.

đ) Hạ tầng khu tái định cư:

(1). Khu TĐC-02 (11 hộ dân): bố trí tại hai bên tuyến giao thông liên thôn (đoạn cuối tuyến 01):

- Khu TĐC-2.01 (bên trái tuyến 01):

+ Điều chỉnh lại tổng mặt bằng quy hoạch khu tái định cư 2.1, dịch chuyển vị trí mặt bằng về phía cuối tuyến 50m.

+ Điều chỉnh hệ thống hạ tầng trong khu tái định cư cho phù hợp với tổng mặt bằng sau điều chỉnh, cụ thể:

Kè kết hợp rãnh thoát nước phía sau các lô tái định cư: xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 dài 176,4m.

Kè giữa các lô tái định cư: xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 dài 110,8m.

Kè phía trước các lô tái định cư: xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 dài 57,5m.

Tấm đan từ đường chính (tuyến 01) dẫn vào các lô tái định cư: sử dụng tấm đan bằng BTCT mác 200, số lượng 08 tấm.

- Khu TĐC-2.02 (bên phải tuyến 01):

+ Bổ sung khối lượng:

Đào san mặt bằng khu đất giữa khu tái định cư 2.2 để tạo thành khoảng sân đất sử dụng chung cho khu tái định cư, diện tích 1.211m^2, khối lượng đào san nền 4.620,96m^3.

Cống tròn thoát nước D=600mm dài 16,3m.

Rãnh thoát nước xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 xung quanh khu đất giữa khu tái định cư 2.2 dài 236,3m; hố ga thu nước tại cọc A4 và cọc A8 trên tuyến, kích thước hố (1,4x1,6x1,6)m, thành và đáy xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 dày 30cm, nắp bằng BTCT đá (1x2)cm mác 200 dày 10cm.

Cống D=600mm từ hố ga thu nước tại cọc A4, dài 5,0m dẫn nước thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Cống D=600mm từ hố ga thu nước tại cọc A8, dài 6,0m dẫn nước thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Tấm đan từ đường chính (tuyến 01) dẫn vào các lô tái định cư: sử dụng tấm đan bằng BTCT mác 200, số lượng 04 tấm.

+ Điều chỉnh hệ thống hạ tầng trong khu tái định cư cho phù hợp với tổng mặt bằng sau điều chỉnh:

Điều chỉnh chiều dài đường giao thông nội bộ phù hợp với tổng mặt bằng điều chỉnh: giảm 3,29m chiều dài tuyến đường từ 225,85m xuống 222,56m; bổ sung khối lượng nilon chống mất nước bê tông, bổ sung khe co, khe giãn; thay đổi diện tích mặt cắt đào khuôn đường tại một số vị trí cho phù hợp thực tế.

Bổ sung tuyến kè từ T2 đến T7 xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 dài 50,96m.

Giảm trừ không thi công tuyến kè kết hợp rãnh thoát nước xây bằng đá hộc mác 100 xung quanh khu đất giữa khu tái định cư 2.2 dài 159,9m.

(2) Khu TĐC-04 (12 hộ dân): bố trí bên trái tuyến giao thông liên thôn (tuyến 01, đoạn từ Km3+127m đến Km3+375m):

- Bổ sung khối lượng:

+ Đào mái ta luy phía sau các lô tái định cư, tạo thành 02 mái, mặt cơ giữa 02 mái rộng 3,0m.

+ Kè chắn đất kết hợp rãnh thoát nước dài 11,5m và kè chắn đất dài 8,5m phía sau nhà văn hóa. Kè và rãnh xây đá hộc vữa xi măng mác 100.

+ Kè kết hợp rãnh thoát nước tại vị trí tuyến đường giao thông nội bộ số 02, từ cọc 2.1 đến cọc 2.6 dài 83m; cống tròn BTCT D=600mm dài 18m dẫn nước từ kè kết hợp rãnh thoát nước (dài 83m) ra hệ thống thoát chung.

+ Rãnh thoát nước đá hộc đoạn từ cọc G nối ga G3 dài 33m.

+ Rãnh thoát nước qua đường tại 02 vị trí dài 5,5m và 3,5m *(tại tuyến giao thông nội bộ số 07 và giao thông nội bộ 06)*. Rãnh xây bằng đá hộc, vữa xi măng mác 100.

+ Cống tròn tại cọc C1+14 (tuyến giao thông nội bộ số 01): cống D=400mm dài 14m.

+ Cống tròn tại C2+12: (tuyến giao thông nội bộ số 01): cống D=600mm dài 10m.

+ 03 hố ga G2, 01 hố ga G3 xây bằng đá hộc, vữa xi măng mác 100 và 04m cống tròn BTCT D=400mm nối từ rãnh kín nhà văn hóa ra hệ thống thoát chung.

+ 04 đoạn kè chắn đất, tại vị trí tuyến giao thông nội bộ số 07 (từ cọc 7.2 đến C5 và từ cọc 7.4 đến C6) mỗi đoạn dài 7m, tổng chiều dài 28m. Kè xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100.

+ Rãnh thoát nước đá hộc dài 29m từ (4.7+0,3m đến 4.7+29.3m) tuyến giao thông nội bộ số 04.

+ Kè chắn đất đá hộc dài 10m từ (4.4+2,4m đến 4.4+12,4m) tuyến giao thông nội bộ số 04.

+ Gia cố lề tuyến đường giao thông nội bộ số 01, số 03, số 04: kết cấu từ trên xuống gồm lớp bê tông xi măng đá (1x2)cm mác 200, dày 10cm; lớp CPĐD loại I dày 10cm; đất san nền.

Rãnh thoát nước xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100, tấm đan đậy rãnh bằng BTCT đá (1x2)cm mác 200 dài 12,8m; xây ốp mái ta luy bằng đá hộc vữa xi măng mác 100, phía giáp đường giao thông nội bộ số 04 từ cọc 4.6 đến 4.6+12m.

- Điều chỉnh:

+ Kè giữa các lô tái định cư: xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 điều chỉnh giảm từ 512,5m thành 481,5m.

+ Điều chỉnh giảm 71 m rãnh thoát nước xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 (từ 147m xuống còn 76m).

+ Giảm bờ chắn đất sân nhà văn hóa xây bằng gạch bê tông xi măng mác 75, để mở rộng 103m^2 sân bê tông và xây dựng 08 hố trồng cây xanh trong khuôn viên sân nhà văn hóa.

2. Giá trị tổng mức đầu tư sau điều chỉnh:

a) Giá trị dự toán điều chỉnh, bổ sung: **1.592.491.224** đồng

- Chi phí xây dựng 1.256.049.717 đồng;
- Chi phí quản lý dự án 17.349.541 đồng;
- Chi phí tư vấn 153.813.005 đồng;
- Chi phí khác 165.278.961 đồng.

b) Giá trị tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: **54.797.627.741** đồng.

- Chi phí xây dựng 40.915.634.962 đồng;
- Chi phí thiết bị 207.611.395 đồng;
- Chi phí quản lý dự án 1.160.916.024 đồng;
- Chi phí tư vấn 3.706.223.610 đồng;
- Chi phí khác 821.178.732 đồng;
- Chi phí hỗ trợ 3.621.386.000 đồng;
- Chi phí BT GPMB 4.153.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng 211.677.018 đồng.

3. Diện tích sử dụng đất của dự án: 92.636,8m^2.

4. Thời gian thực hiện dự án: năm 2011 - quý IV/2023.

Điều 2. Các nội dung khác không đề cập được giữ nguyên theo Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 và Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng, Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVPUBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin, PVHCC;
- Lưu: VT, KT (PVĐ)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh